



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2530/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 22 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp  
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4321/TTr-STNMT ngày 17 tháng 12 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố Danh mục 168 hồ, ao, đầm không được san lấp để phòng, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng gồm: 119 hồ, 46 ao, 03 đầm, cụ thể như sau:

- Thành phố Cao Bằng: 05 hồ.
- Huyện Bảo Lạc: 05 hồ.
- Huyện Bảo Lâm: 06 hồ.
- Huyện Hạ Lang: 04 hồ, 03 ao.
- Huyện Hà Quảng: 30 hồ, 01 ao, 01 đầm.
- Huyện Hòa An: 10 hồ, 03 ao.
- Huyện Nguyên Bình: 07 hồ.
- Huyện Quảng Hòa: 13 hồ, 03 ao.
- Huyện Thạch An: 11 hồ, 02 ao, 01 đầm.
- Huyện Trùng Khánh: 28 hồ, 34 ao, 01 đầm.

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đôn đốc các đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện quản lý hồ, ao, đầm không được san lấp theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện Quyết định này. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tổng hợp, định kỳ báo cáo công tác quản lý hồ, ao, đầm không được san lấp gửi UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Tham mưu, trình UBND tỉnh điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp cho phù hợp với quy định phòng, chống ngập, úng, bảo vệ nguồn nước và mục tiêu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn.

## 2. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, thống kê, cập nhật, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Thực hiện công tác quản lý theo quy định của pháp luật, đảm bảo chặt chẽ không để xảy ra tình trạng san lấp hồ, ao, đầm trái phép.

## 3. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

- UBND các huyện, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng phương án và tổ chức bảo vệ, quản lý theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ hồ, ao, đầm không được san lấp tại địa phương.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành chức năng liên quan thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) tình hình quản lý, khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm không được san lấp.

- Rà soát, tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp cho phù hợp với mục tiêu phòng, chống ngập, úng, bảo vệ nguồn nước và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## 4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ, ao, đầm

- Sử dụng hồ, ao, đầm đúng mục đích và tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ hồ, ao, đầm không được san lấp.

- Kiểm soát chặt chẽ các hành vi lấn chiếm hồ, ao, đầm trái phép và xả nước thải chưa qua xử lý vào hồ, ao, đầm trong danh mục không được san lấp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý sai phạm theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các hồ, ao, đầm không được san lấp, sớm phát hiện ra những hư hỏng gây mất an toàn công trình, diện tích bị lấn chiếm (nếu có) để có biện pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo an toàn công trình.

5. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư

- Nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ hồ, ao, đầm, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình gây mất an toàn công trình.
- Không xả chất thải chưa qua xử lý vào hồ, ao, đầm gây ô nhiễm nguồn nước.
- Không san lấp hồ, ao, đầm sử dụng vào mục đích khác.
- Tố giác các hành vi vi phạm các quy định về quản lý, khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm không được san lấp.
- Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Thảo**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC HỒ, AO, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

| TT        | Tên hồ, ao, đầm                  | Vị trí, địa điểm               | Diện tích mặt nước (ha) | Dung tích toàn phần (triệu m <sup>3</sup> ) | Loại hình, chức năng            | Đơn vị quản lý                      |
|-----------|----------------------------------|--------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|
| (1)       | (2)                              | (3)                            | (4)                     | (5)                                         | (6)                             | (7)                                 |
| <b>I</b>  | <b>Thành phố Cao Bằng</b>        |                                |                         |                                             |                                 |                                     |
| 1         | Hồ Khuổi Khoán                   | Xóm 1, xã Vĩnh Quang           | 33                      | 3,71                                        | Thủy lợi                        | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 2         | Hồ Cốc Hón                       | Tổ 03, phường Duyệt Trung      | 0,32                    |                                             | Thủy lợi                        | UBND phường Duyệt Trung             |
| 3         | Hồ Sen                           | Xã Hưng Đạo                    | 4                       |                                             | Hồ điều hòa, phát triển du lịch |                                     |
| 4         | Hồ điều hòa lô số 19             | Tổ 1, tổ 3, phường Đề Thám     | 3,4                     |                                             | Hồ điều hòa, tạo cảnh quan      |                                     |
| 5         | Hồ tổ 3, tổ 4 phường Duyệt Trung | Tổ 3, tổ 4, Phường Duyệt Trung | 6                       |                                             | Điều tiết nước, tạo cảnh quan   |                                     |
| <b>II</b> | <b>Huyện Bảo Lạc</b>             |                                |                         |                                             |                                 |                                     |
| 1         | Hồ Bản Diêm                      | Xóm Bản Diêm, xã Khánh Xuân    | 1,38                    | 0,026                                       | Hồ tự nhiên                     | UBND xã Khánh Xuân                  |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b>  | <b>Vị trí, địa điểm</b>        | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b> | <b>Đơn vị quản lý</b>                         |
|------------|-------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>              | <i>(3)</i>                     | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                  | <i>(7)</i>                                    |
| 2          | Hồ Thôm Lôm             | Xóm Bản Chuồng, xã Xuân Trường | 2,23                           | 0,067                                            | Hồ tự nhiên, Thủy lợi       | UBND xã Xuân Trường                           |
| 3          | Hồ Thủy điện Bảo Lạc B  | Xã Bảo Toàn                    | 97,1                           | 9,38                                             | Thủy điện                   | Công ty Cổ phần xây lắp điện 1                |
| 4          | Hồ Thủy điện Na Han     | Xã Huy Giáp                    |                                | 0,0075                                           | Thủy điện                   | Công ty Cổ phần khoáng sản luyện kim Cao Bằng |
| 5          | Hồ Thủy điện Bản Pát    | Xã Đình Phùng                  |                                | 0,011                                            | Thủy điện                   | Công ty Cổ phần khoáng sản luyện kim Cao Bằng |
| <b>III</b> | <b>Huyện Bảo Lâm</b>    |                                |                                |                                                  |                             |                                               |
| 1          | Hồ Thủy điện Mông Ân    | Thị trấn Pác Miầu, xã Lý Bôn   | 106                            | 7,04                                             | Thủy điện                   | Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc    |
| 2          | Hồ Thủy điện Bảo Lâm 1  | Xã Lý Bôn, xã Vĩnh Quang       | 119                            | 8,89                                             | Thủy điện                   | Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I                |
| 3          | Hồ Thủy điện Bảo Lâm 3A | Xã Lý Bôn, xã Đức Hạnh         | 39,5                           | 2,54                                             | Thủy điện                   | Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I                |
| 4          | Hồ Thủy điện Bảo Lâm 3  | Xã Đức Hạnh                    | 224                            | 43,92                                            | Thủy điện                   | Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I                |
| 5          | Hồ Thủy điện Bắc Mê     | Thị trấn Pác Miầu, xã Thái     | 334                            | 23,65                                            | Thủy điện                   | Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng      |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b> | <b>Vị trí, địa điểm</b>     | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b>        | <b>Đơn vị quản lý</b>               |
|------------|------------------------|-----------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>             | <i>(3)</i>                  | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                         | <i>(7)</i>                          |
|            |                        | Học, xã Quảng Lâm           |                                |                                                  |                                    |                                     |
| 6          | Hồ Thủy điện Nam Quang | Xã Nam Quang                | 0,34                           | 0,5                                              | Thủy điện                          | Đoàn Kinh tế quốc phòng 799         |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Hạ Lang</b>   |                             |                                |                                                  |                                    |                                     |
| 1          | Ao Cẩn Phai            | Xóm Bản Rạc, xã Cô Ngân     | 1,1                            |                                                  | Thủy lợi, điều tiết nước tưới tiêu | Cộng đồng xóm Bản Rạc               |
| 2          | Ao Khưa Rún            | Xóm Hợp Nhất, xã Lý Quốc    | 0,48                           |                                                  | Phục vụ nước tưới tiêu             | Cộng đồng xóm Hợp Nhất              |
| 3          | Ao Khưa Tôm Kháo       | Xóm Bang Dưới, xã Lý Quốc   | 0,42                           |                                                  | Dự trữ nước phục vụ nước tưới tiêu | Cộng đồng xóm Bang Dưới             |
| 4          | Hồ Bản Khau            | Xóm Bản Khau, xã Thống Nhất | 0,18                           | 3600                                             | Phục vụ điều tiết nước, tưới tiêu  | Cộng đồng xóm Bản Khau              |
| 5          | Hồ Thôm Rao            | Xóm Bằng Ca, xã Lý Quốc     | 3,82                           | 0,24                                             | Thủy lợi                           | Công ty TNHH MTV thủy nông Cao Bằng |
| 6          | Hồ Khưa Khoang         | Xóm Khưa Thoang, xã Lý Quốc | 1,58                           |                                                  | Phục vụ điều tiết nước tưới tiêu   | Cộng đồng xóm Khưa Thoang           |
| 7          | Hồ Thủy điện Thân Giáp | Xã Đoài Dương, huyện        | 9,6                            | 0,987                                            | Thủy điện                          | Công ty TNHH Trường Minh            |

| TT       | Tên hồ, ao, đầm       | Vị trí, địa điểm                        | Diện tích mặt nước (ha) | Dung tích toàn phần (triệu m <sup>3</sup> ) | Loại hình, chức năng                                   | Đơn vị quản lý           |
|----------|-----------------------|-----------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------|
| (1)      | (2)                   | (3)                                     | (4)                     | (5)                                         | (6)                                                    | (7)                      |
|          |                       | Trùng Khánh và xã An Lạc, huyện Hạ Lang |                         |                                             |                                                        |                          |
| <b>V</b> | <b>Huyện Hà Quảng</b> |                                         |                         |                                             |                                                        |                          |
| 1        | Ao Nặm Bấc            | Xóm Lũng Niềng, xã Mã Ba                | 0,15                    | 0,01                                        | Tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường và phát triển du lịch | Cộng đồng xóm Lũng Niềng |
| 2        | Hồ vải địa            | Xóm Lũng Rỳ, xã Nội Thôn                | 0,066                   | 0,002                                       | Nước sinh hoạt cho nhân dân                            | Xóm Lũng Rỳ, xã Nội Thôn |
| 3        | Hồ vải địa            | Xóm Nhi Tảo, xã Nội Thôn                | 0,235                   | 0,004                                       | Nước sinh hoạt cho nhân dân                            | Xóm Nhi Tảo, xã Nội Thôn |
| 4        | Hồ vải địa Lũng Bông  | Xóm Kéo Sỷ, xã Tổng Cột                 | 0,2919                  | 0,0045                                      | Dự trữ nước sinh hoạt mùa khô                          | UBND xã                  |
| 5        | Hồ vải địa Rẫy Rì     | Xóm Kéo Sỷ, xã Tổng Cột                 | 0,0673                  | 0,001346                                    | Dự trữ nước sinh hoạt mùa khô                          | UBND xã                  |
| 6        | Hồ vải địa Tả Cán     | Xóm Lũng Giồng, xã Tổng Cột             | 0,254                   | 0,0043                                      | Cung cấp nước phục vụ sinh hoạt Đoàn biên phòng        | Đồn biên phòng Tổng Cột  |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b>         | <b>Vị trí, địa điểm</b>        | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b> | <b>Đơn vị quản lý</b>               |
|------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>                     | <i>(3)</i>                     | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                  | <i>(7)</i>                          |
| 7          | Hồ Lũng Lâu                    | Xóm Lũng Vén, xã Thượng Thôn   | 0,2694                         | 0,004                                            | Cấp nước sinh hoạt          | Xã Thượng Thôn                      |
| 8          | Hồ Thượng Sơn                  | Xóm Thượng Sơn, xã Thượng Thôn | 0,5                            | 0,005                                            | Cấp nước                    | Xã Thượng Thôn                      |
| 9          | Hồ Táy trên                    | Xóm Táy Trên, xã Thượng Thôn   | 0,1                            | 0,002                                            | Cấp nước sinh hoạt          | Xã Thượng Thôn                      |
| 10         | Hồ Bó Đăng                     | Xóm Kim Đồng, xã Lương Can     | 0,8702                         |                                                  | Thủy lợi                    | UBND xã Lương Can                   |
| 11         | Hồ Khuổi Kỳ                    | Xóm Địa Long, xã Sóc Hà        |                                | 0,47                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV thủy nông Cao Bằng |
| 12         | Hồ Bản Nưa                     | Xóm Đào Bắc, xã Ngọc Đào       | 13,2                           | 0,97                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV thủy nông Cao Bằng |
| 13         | Hồ Thôm Cải                    | Xóm Kẽ Hiệt, xã Ngọc Đào       |                                | 0,15                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV thủy nông Cao Bằng |
| 14         | Hồ chứa nước mưa Tả Piểu       | Xóm Tả Piểu, xã Cải Viên       | 0,2                            | 0,0035                                           | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý                         |
| 15         | Hồ kỹ thuật vải địa xóm Pác Có | Xóm Nhi Đú, xã Cải Viên        | 0,2                            | 0,0015                                           | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý                         |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b>          | <b>Vị trí, địa điểm</b>  | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b> | <b>Đơn vị quản lý</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>                      | <i>(3)</i>               | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                  | <i>(7)</i>            |
| 16         | Hồ kỹ thuật vãi địa xóm Cha Vạc | Xóm Cha Vạc, xã Cải Viên | 0,03                           | 0,0008                                           | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý           |
| 17         | Hồ chứa nước mưa Tả Piểu        | Xóm Tả Piểu, xã Cải Viên | 0,048                          | 0,0015                                           | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý           |
| 18         | Hồ chứa nước mưa Lũng Rỳ        | Xóm Lũng Rỳ, xã Nội Thôn | 0,0669                         | 0,0015                                           | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý           |
| 19         | Hồ Nhĩ Tảo                      | Xóm Nhĩ Tảo, xã Nội Thôn | 0,235                          | 0,000003                                         | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý           |
| 20         | Hồ Lũng Nặm                     | Xóm Thành Công, xã Mã Ba | 0,20                           | 0,003                                            | Cấp nước sinh hoạt          | UBND xã Mã Ba         |
| 21         | Hồ Keng Cả                      | Xóm Cả Poóc, xã Mã Ba    | 0,13                           | 0,003                                            | Cấp nước sinh hoạt          | UBND xã Mã Ba         |
| 22         | Hồ Tổng Đá                      | Xóm Lũng Pheo, xã Mã Ba  | 0,13                           | 0,003                                            | Cấp nước sinh hoạt          | UBND xã Mã Ba         |
| 23         | Hồ Lũng Riềm                    | Xóm Lũng Pheo, xã Mã Ba  | 0,14                           | 0,003                                            | Cấp nước sinh hoạt          | UBND xã Mã Ba         |
| 24         | Hồ chứa xóm Khau Sớ             | Xóm Khau Sớ, xã Hồng Sỹ  | 0,212                          | 0,0025                                           | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý           |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b>       | <b>Vị trí, địa điểm</b>            | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b> | <b>Đơn vị quản lý</b>                       |
|------------|------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>                   | <i>(3)</i>                         | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                  | <i>(7)</i>                                  |
| 25         | Hồ chứa xóm Lũng Túp         | Xóm Lũng Túp, xã Hồng Sỹ           | 0,362                          | 0,0035                                           | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý                                 |
| 26         | Hồ chứa nước mưa Tổng Tuồng  | Xã Hồng Sỹ                         | 0,184                          | 0,002                                            | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý                                 |
| 27         | Hồ Răng Khiêu                | Xóm Hồng Việt, xã Trường Hà        | 0,33                           | 0,008478                                         | Cấp nước sinh hoạt          | Tổ thủy nông xóm                            |
| 28         | Hồ vãi địa                   | Xóm Răng Rung, xã Lũng Nặm         | 0,15                           | 0,01                                             | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý                                 |
| 29         | Hồ vãi địa                   | Xóm Lũng In, xã Lũng Nặm           | 0,013                          | 0,03                                             | Cấp nước sinh hoạt          | Xóm quản lý                                 |
| 30         | Hồ thủy lợi lô TL01          | Xóm Bản Viêng, thị trấn Thông Nông | 0,3                            |                                                  | Thủy lợi, điều tiết nước    |                                             |
| 31         | Hồ thủy điện Bản Hoàng       | Xã Trường Hà                       | 0,6                            | 1                                                | Thủy điện                   | Doanh nghiệp tư nhân xây lắp điện Tuyến Nga |
| 32         | Đầm Nặm Nhũng                | Xóm Nặm Nhũng, xã Lũng Nặm         | 0,12                           | 0,018                                            | Đa mục tiêu                 | Xóm quản lý                                 |
| <b>VI</b>  | <b>Huyện Hòa An</b>          |                                    |                                |                                                  |                             |                                             |
| 1          | Ao xả thải Mỏ sắt Ngừm Cháng | Xóm Bản Mạ, xã Dân Chủ             | 1,5                            |                                                  | Thủy lợi                    | UBND xã Dân Chủ                             |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b> | <b>Vị trí, địa điểm</b>      | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b> | <b>Đơn vị quản lý</b>                        |
|------------|------------------------|------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>             | <i>(3)</i>                   | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                  | <i>(7)</i>                                   |
| 2          | Ao Kéo Vường           | Xóm Má Chang, xã Đại Tiến    | 0,15                           | 0,0005                                           | Bảo vệ nguồn nước, thủy lợi | UBND xã Đại Tiến                             |
| 3          | Ao Kéo Quảng           | Xóm Má Chang, xã Đại Tiến    | 0,15                           | 0,0005                                           | Bảo vệ nguồn nước           | UBND xã Đại Tiến                             |
| 4          | Hồ Khuổi Lái           | Xóm Nhà Roắc 1, xã Bạch Đằng | 30,7                           | 2,94                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV Thủy Nông Cao Bằng          |
| 5          | Hồ Khuổi Áng           | Xóm Bó Lếch, xã Hoàng Tung   | 7,25                           | 0,62                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV Thủy Nông Cao Bằng          |
| 6          | Hồ Phia Gào            | Xóm Minh Khai, xã Đức Long   | 7,42                           | 0,59                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV Thủy Nông Cao Bằng          |
| 7          | Hồ Nhà Tấu             | Thị trấn Nước Hai            | 18,98                          | 2,4                                              | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV Thủy Nông Cao Bằng          |
| 8          | Hồ điều hòa lô TD4     | Khu giữa, thị trấn Nước Hai  | 0,7                            |                                                  | Hồ điều hòa, tạo cảnh quan  |                                              |
| 9          | Hồ Thủy điện Bạch Đằng | Xã Bạch Đằng, xã Bình Dương  | 44,4                           | 4,09                                             | Thủy điện                   | Công ty Cổ phần tập đoàn xây dựng Thăng Long |
| 10         | Hồ Thủy điện Suối Cùn  | Xóm Bản Gùn, xã Ngũ Lão      | 0,037                          | 0,035                                            | Thủy điện                   | Công ty Điện lực Cao Bằng                    |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b>   | <b>Vị trí, địa điểm</b>         | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b>                      | <b>Đơn vị quản lý</b>                         |
|------------|--------------------------|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>               | <i>(3)</i>                      | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                                       | <i>(7)</i>                                    |
| 11         | Hồ Thủy điện Hồng Nam    | Xã Hồng Nam                     | 120,4                          | 8,69                                             | Thủy điện                                        | Công ty Cổ phần năng lượng Cao Bằng           |
| 12         | Hồ Thủy điện Nà Ngàn     | Xã Trung Lương                  | 0,284                          | 0,01                                             | Thủy điện                                        | Công ty Cổ phần khoáng sản luyện kim Cao Bằng |
| 13         | Hồ Thủy điện Pác Khuổi   | Xã Lê Chung                     | 68,2                           | 2,942                                            | Thủy điện                                        | Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 1            |
| <b>VII</b> | <b>Huyện Nguyên Bình</b> |                                 |                                |                                                  |                                                  |                                               |
| 1          | Hồ Thôm Luông            | Xóm Bình Minh, xã Minh Tâm      | 2,19                           | 0,2                                              | Thủy lợi                                         | UBND xã                                       |
| 2          | Hồ Khuổi Khiển           | Xóm Long Hoa, xã Minh Tâm       | 0,29                           | 0,12                                             | Thủy lợi                                         | UBND xã                                       |
| 3          | Hồ Nà Xum                | Xóm Long Hoa, xã Minh Tâm       | 0,28                           | 0,1                                              | Thủy lợi                                         | UBND xã                                       |
| 4          | Hồ mỏ                    | Tổ dân phố 1, thị trấn Tĩnh Túc | 4,5                            | 0,09                                             | Điều tiết nước, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường | UBND Thị trấn Tĩnh Túc                        |
| 5          | Hồ điều hòa lô số 35     | Tổ 1, thị trấn Nguyên Bình      | 0,7                            |                                                  | Hồ điều hòa, tạo cảnh quan                       |                                               |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>   | <b>Tên hồ, ao, đầm</b> | <b>Vị trí, địa điểm</b>           | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b>                                  | <b>Đơn vị quản lý</b>                         |
|-------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <i>(1)</i>  | <i>(2)</i>             | <i>(3)</i>                        | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                                                   | <i>(7)</i>                                    |
| 6           | Hồ Nà Moong            | Xóm Bắc Sơn, xã Minh Tâm          | 0,2                            | 0,02                                             | Thủy lợi                                                     | UBND xã                                       |
| 7           | Hồ Thủy điện Tà Sa     | Xã Vũ Minh                        | 0,405                          | 0,01                                             | Thủy điện                                                    | Công ty Cổ phần khoáng sản luyện kim Cao Bằng |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Quảng Hòa</b> |                                   |                                |                                                  |                                                              |                                               |
| 1           | Ao Tong Leng           | Xóm Khào, Phúc Sen                | 1                              | 0,001                                            | Ao tự nhiên dự trữ nước                                      | Cộng đồng xóm                                 |
| 2           | Ao Thanh Minh          | Phúc Sen                          | 0,2                            | 0,0002                                           | Ao tự nhiên, điều tiết nước, tạo cảnh quan                   | UBND xã                                       |
| 3           | Ao Lũng sâu            | Lũng Sâu, xóm Đâu Cọ, xã Phúc Sen | 0,04                           | 0,00006                                          | Ao tự nhiên dự trữ nước, phòng chống cháy rừng               | Cộng đồng xóm                                 |
| 4           | Hồ Thăng Hen           | Lũng Táo, xã Quốc Toàn            | 18,6                           | 9                                                | Hồ tự nhiên văn hóa, du lịch, phòng cháy rừng, tạo cảnh quan | UBND xã                                       |
| 5           | Hồ Nà Lái              | Tri Phương 2, xã Phi Hải          | 13,76                          | 1,26                                             | Hồ thủy lợi điều tiết nước, phục vụ sinh hoạt                | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng           |

| TT  | Tên hồ, ao, đầm    | Vị trí, địa điểm                  | Diện tích mặt nước (ha) | Dung tích toàn phần (triệu m <sup>3</sup> ) | Loại hình, chức năng                                          | Đơn vị quản lý |
|-----|--------------------|-----------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------|
| (1) | (2)                | (3)                               | (4)                     | (5)                                         | (6)                                                           | (7)            |
| 6   | Hồ Thăng Hoát      | Lũng Táo, xã Quốc Toản            | 15,2                    | 4,2                                         | Hồ tự nhiên, tránh ngập úng, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường | UBND xã        |
| 7   | Hồ Ký Răng 1       | Lũng Táo, xã Quốc Toản            | 8,7                     | 1,6                                         | Hồ tự nhiên, tránh ngập úng, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường | UBND xã        |
| 8   | Hồ Ký Răng 2       | Lũng Táo, xã Quốc Toản            | 13,6                    | 3                                           | Hồ tự nhiên, tránh ngập úng, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường | UBND xã        |
| 9   | Hồ Thang Trỏ       | Lũng Táo, xã Quốc Toản            | 0,6                     | 0,042                                       | Hồ tự nhiên, tránh ngập úng                                   | UBND xã        |
| 10  | Hồ Thang Khum      | Lũng Táo, xã Quốc Toản            | 2,5                     | 0,75                                        | Hồ tự nhiên, tránh ngập úng                                   | UBND xã        |
| 11  | Hồ điều hòa lô CX2 | Xóm Tục Ngôn, thị trấn Quảng Uyên | 0,5                     |                                             | Hồ điều hòa, tạo cảnh quan                                    |                |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b>   | <b>Vị trí, địa điểm</b>    | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b>                      | <b>Đơn vị quản lý</b>                                     |
|------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>               | <i>(3)</i>                 | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                                       | <i>(7)</i>                                                |
| 12         | Hồ Thủy điện Tiên Thành  | Xóm Thôm Đán, xã Hạnh Phúc | 84                             | 4,967                                            | Thủy điện                                        | Công ty TNHH Sông Đà 7.09                                 |
| 13         | Hồ Thủy điện Nà Lò       | Xóm Nà Lò, xã Bế Văn Đàn   | 8,3                            | 0,26                                             | Thủy điện                                        | Công ty Cổ phần thủy điện luyện kim                       |
| 14         | Hồ Thủy điện Hòa Thuận   | Thị trấn Hòa Thuận         | 96,1                           | 5,168                                            | Thủy điện                                        | Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Thuận                       |
| 15         | Hồ Thủy điện Nà Tấu      | Xã Độc Lập                 | 10,3                           | 0,27                                             | Thủy điện                                        | Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh                |
| 16         | Hồ Thủy điện Khuổi Luông | Xã Cách Linh               | 93                             | 5,517                                            | Thủy điện                                        | Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển công nghiệp Đông Bắc |
| <b>IX</b>  | <b>Huyện Thạch An</b>    |                            |                                |                                                  |                                                  |                                                           |
| 1          | Ao lô CX1                | Thị trấn Đông Khê          | 0,16                           |                                                  | Điều tiết nước, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường |                                                           |
| 2          | Ao lô LN1                | Thị trấn Đông Khê          | 0,18                           |                                                  | Điều tiết nước, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường |                                                           |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b> | <b>Vị trí, địa điểm</b>     | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b> | <b>Đơn vị quản lý</b>               |
|------------|------------------------|-----------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>             | <i>(3)</i>                  | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                  | <i>(7)</i>                          |
| 3          | Hồ Nà Danh             | Xóm Nà Danh, TT Đông Khê    | 6,27                           | 0,48                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 4          | Hồ Nà Vàng             | Xóm Nà Cốc, xã Lê Lai       | 1,06                           | 0,22                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 5          | Hồ Nà Tấu              | Xóm Nà Tấu, xã Lê Lợi       | 6,68                           | 0,53                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 6          | Hồ Co Po               | Xóm Bản Nghèn, xã Đức Long  | 6,32                           | 0,54                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 7          | Hồ Đâu Làn             | Xóm Tân Việt, xã Lê Lai     | 0,26                           | 0,12                                             | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 8          | Hồ Bó Slá              | Xóm Nà Cốc, xã Lê Lai       | 0,16                           | 0,1                                              | Thủy lợi                    | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 9          | Hồ Nà Sloòng           | Xóm Nà Sloòng, xã Lê Lai    |                                | 0,15                                             | Thủy lợi                    | UBND xã                             |
| 10         | Hồ Thôm Nạc            | Xóm Bản Cấn, xã Vân Trình   |                                | 0,12                                             | Thủy lợi                    | UBND xã                             |
| 11         | Hồ Bản Lũng            | Xóm Lũng Nọc, xã Thái Cường | 0,18                           | 0,0027                                           | Thủy lợi và cấp sinh hoạt   | Cộng đồng xóm Lũng Nọc              |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b>   | <b>Vị trí, địa điểm</b>                           | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b>                      | <b>Đơn vị quản lý</b> |
|------------|--------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>               | <i>(3)</i>                                        | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                                       | <i>(7)</i>            |
| 12         | Hồ điều hòa lô CX2       | Thị trấn Đông Khê                                 | 0,46                           |                                                  | Điều tiết nước, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường |                       |
| 13         | Hồ điều hòa lô CX2       | Thị trấn Đông Khê                                 | 2,2                            |                                                  | Hồ điều hòa, điều tiết nước, tạo cảnh quan       |                       |
| 14         | Đầm Nà Tậu               | Xóm Nà Tậu, xã Lê Lợi                             | 0,252                          |                                                  | Đầm tự nhiên                                     | UBND xã Lê Lợi        |
| <b>X</b>   | <b>Huyện Trùng Khánh</b> |                                                   |                                |                                                  |                                                  |                       |
| 1          | Ao Nà Nhi                | Đồng Nà Nhi, xóm Pò Peo – Phía Muông, xã Ngọc Côn | 1,54                           | 0,0154                                           | Thủy lợi                                         | Hộ gia đình           |
| 2          | Ao Bô Dươi               | Đồng Bô Dươi, xóm Bản Mài, xã Ngọc Côn            | 2,23                           | 0,0223                                           | Thủy lợi                                         | Cộng đồng xóm         |
| 3          | Ao Thôm Đông Rìa         | Xóm Bản Lò, xã Quang Hán                          | 1,91                           | 0,02749                                          | Thủy lợi                                         | UBND xã Quang Hán     |
| 4          | Ao Thôm Rẹp              | Xóm Bản Niếng, xã Quang Hán                       | 1,18                           | 0,040367                                         | Thủy lợi                                         | UBND xã Quang Hán     |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b> | <b>Vị trí, địa điểm</b>            | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b> | <b>Đơn vị quản lý</b>  |
|------------|------------------------|------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>             | <i>(3)</i>                         | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                  | <i>(7)</i>             |
| 5          | Ao Thôm Pà             | Xóm Nà Pò, xã Quang Hán            | 2,44                           | 0,037319                                         | Thủy lợi                    | UBND xã Quang Hán      |
| 6          | Ao Rằng Khùng          | Xóm Nà Chi, xã Cao Thắng           | 0,89                           | 0,003566                                         | Thủy lợi                    | UBND xã Cao Thắng      |
| 7          | Ao Đồng Biên           | Xóm Đồng Biên, xã Tri Phương       | 0,51                           | 0,051111                                         | Thủy lợi                    | Xóm Đồng Biên          |
| 8          | Ao Lũng Khuyên         | Xóm Lạc Hiễn, xã Quang Vinh        | 0,1                            | 0,05                                             | Đa mục tiêu                 | UBND xã Quang Vinh     |
| 9          | Ao Nặm Bấc             | Xóm Lũng Xỏm, xã Quang Vinh        | 0,1                            | 0,05                                             | Đa mục tiêu                 | UBND xã Quang Vinh     |
| 10         | Ao thôm thầu           | Xóm Nà Mần-Bản Piên, xã Phong Châu | 0,41                           | 0,00533                                          | Thủy lợi                    |                        |
| 11         | Ao (đập) Thâm Khuất    | Xóm Vĩnh Quang, TT Trà Lĩnh        | 0,15                           | 0,00225                                          | Thủy lợi                    | UBND thị trấn Trà Lĩnh |
| 12         | Ao (đập) Bó Thầu       | Xóm Pò Rẫy, TT Trà Lĩnh            | 0,22                           | 0,003593                                         | Thủy lợi                    | UBND thị trấn Trà Lĩnh |
| 13         | Ao (đập) Lũng Ít       | Xóm Cốc Cáng, TT Trà Lĩnh          | 0,12                           | 0,0216                                           | Thủy lợi                    | UBND thị trấn Trà Lĩnh |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b> | <b>Vị trí, địa điểm</b>                  | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b>            | <b>Đơn vị quản lý</b>     |
|------------|------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>             | <i>(3)</i>                               | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                             | <i>(7)</i>                |
| 14         | Ao Thâm Thí            | Xóm Bó Đa, thị trấn Trùng Khánh          | 0,75                           | 0,015                                            | Điều tiết nước                         | Cộng đồng xóm Bó Đa       |
| 15         | Ao Phía Phủ            | Tổ dân phố 2, thị trấn Trùng Khánh       | 0,19                           | 0,0003                                           | Điều tiết nước                         | Cộng đồng Tổ dân phố 2    |
| 16         | Ao Phía Khoang         | Tổ dân phố 3, thị trấn Trùng Khánh       | 0,6                            | 0,006                                            | Điều tiết nước                         | Cộng đồng Tổ dân phố 3    |
| 17         | Ao Khưa Khảo           | Xóm Bó Đa, thị trấn Trùng Khánh          | 0,38                           | 0,00007                                          | Điều tiết nước                         | Cộng đồng xóm Bó Đa       |
| 18         | Ao Bó Đa               | Xóm Bó Đa, thị trấn Trùng Khánh          | 0,06                           | 0,000001                                         | Điều tiết nước                         | Cộng đồng xóm Bó Đa       |
| 19         | Ao Nộc Cu              | Xóm Đồng Luông – Chi Choi, xã Đình Phong | 0,353                          | 0,004589                                         | Chứa nước mưa để điều tiết nước vụ mùa | Xóm Đồng Luông – Chi Choi |
| 20         | Ao Ta Mẩn              | Xóm Long Định, xã Đình Phong             | 0,449                          | 0,005837                                         | Chứa nước mưa để điều tiết nước vụ mùa | Xóm Long Định             |
| 21         | Ao Thôm Luông          | Xóm Nà Thoang, xã Đình Phong             | 0,710                          | 0,00923                                          | Chứa nước mưa để điều                  | Xóm Nà Thoang             |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b> | <b>Vị trí, địa điểm</b>       | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b>            | <b>Đơn vị quản lý</b> |
|------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>             | <i>(3)</i>                    | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                             | <i>(7)</i>            |
|            |                        |                               |                                |                                                  | tiết nước vụ mùa                       |                       |
| 22         | Ao Lũng Nặm            | Xóm Bo Nặm, xã Đình Phong     | 0,856                          | 0,011128                                         | Chứa nước mưa để điều tiết nước vụ mùa | Xóm Bo Nặm            |
| 23         | Ao Bó Pảng             | Xóm Thôn Gia, xã Quang Trung  | 1,72                           | 0,002                                            | Thủy lợi                               | Xóm Thôn Gia          |
| 24         | Ao Bó Thất             | Xóm Bản Ngẩn, xã Quang Trung  | 3                              | 0,03                                             | Thủy lợi                               | Xóm Bản Ngẩn          |
| 25         | Ao Bản Chang           | Xóm Bản Chang, xã Quang Trung | 1                              | 0,015                                            | Thủy lợi                               | Xóm Bản Chang         |
| 26         | Ao Cốc Mĩ              | Xóm Pác Pó, xã Khâm Thành     | 0,18                           | 0,00144                                          | Thủy lợi                               | Xóm Pác Pó            |
| 27         | Ao Khưa Ngàu           | Xóm Phia Hồng, xã Khâm Thành  | 0,28                           | 0,0028                                           | Thủy lợi                               | Hộ gia đình           |
| 28         | Ao Thôm Hẻo            | Xóm Phia Hồng, xã Khâm Thành  | 0,3                            | 0,003                                            | Phục vụ chăn nuôi gia súc              | Hộ gia đình           |

| TT  | Tên hồ, ao, đầm | Vị trí, địa điểm           | Diện tích mặt nước (ha) | Dung tích toàn phần (triệu m <sup>3</sup> ) | Loại hình, chức năng      | Đơn vị quản lý     |
|-----|-----------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|--------------------|
| (1) | (2)             | (3)                        | (4)                     | (5)                                         | (6)                       | (7)                |
| 29  | Ao Khưa Rằm     | Xóm Bản Mới, xã Khâm Thành | 0,5                     | 0,006                                       | Phục vụ chăn nuôi gia súc | Hộ gia đình        |
| 30  | Ao Thôm Khí     | Xóm Bản Mới, xã Khâm Thành | 0,2                     | 0,0016                                      | Thủy lợi                  |                    |
| 31  | Ao Làng         | Xóm Nặm Dội, xã Đoài Dương | 0,07                    | 0,00091                                     | Đa mục tiêu               | UBND xã Đoài Dương |
| 32  | Ao Thôm Chu     | Xóm Bản Mới, xã Khâm Thành | 0,3                     | 0,0024                                      | Thủy lợi                  | Hộ gia đình        |
| 33  | Ao Cốc Quý      | Xóm Bản Mới, xã Khâm Thành | 0,25                    | 0,002                                       | Phục vụ chăn nuôi gia súc | Hộ gia đình        |
| 34  | Ao Luộc Nặm     | Xóm Bản Mới, xã Khâm Thành | 0,19                    | 0,0019                                      | Thủy lợi                  | Hộ gia đình        |
| 35  | Ao Khưa Ổ       | Xóm Bản Mới, xã Khâm thành | 0,18                    | 0,00216                                     | Thủy lợi                  | Hộ gia đình        |
| 36  | Hồ Tính         | Xóm Bản Pát, xã Cao Chương | 15                      | 0,195                                       | Đa mục tiêu               | UBND xã            |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b>      | <b>Vị trí, địa điểm</b>             | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b>                      | <b>Đơn vị quản lý</b>               |
|------------|-----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>                  | <i>(3)</i>                          | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                                       | <i>(7)</i>                          |
| 37         | Hồ Bó Thá                   | Xóm Bản Pát, xã Cao Chương          | 0,83                           | 0,01079                                          | Đa mục tiêu                                      | Xóm Bản Pát                         |
| 38         | Hồ đập Khuổi Kéo            | Xóm Đoồng Giải, xã Cao Chương       |                                | 0,06                                             | Đa mục tiêu                                      | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 39         | Hồ Nà Chi                   | Xóm Nà Chi, xã Cao Thăng            | 4,45                           | 0,01977                                          | Cấp nước sinh hoạt, Thủy lợi                     | UBND xã Cao Thăng                   |
| 40         | Hồ Bản Viết                 | Xóm Bản Viết, xã Phong Châu         | 51,27                          | 3,14                                             | Thủy lợi                                         | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 41         | Hồ Bản Đà                   | Xóm Bó Đa, thị trấn Trùng Khánh     | 7                              | 0,26                                             | Thủy lợi                                         | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 42         | Hồ điều hòa lô CX01         | Thị trấn Trà Lĩnh                   | 1,2                            |                                                  | Hồ điều hòa, tạo cảnh quan                       |                                     |
| 43         | Hồ chứa nước phía Bắc Lô R8 | Thị trấn Trà Lĩnh                   | 0,57                           |                                                  | Điều tiết nước, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường |                                     |
| 44         | Hồ chứa nước lô DL1         | Phía Đông Nam, thị trấn Trùng Khánh | 3,5                            |                                                  | Thủy lợi, điều tiết nước                         |                                     |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b>                                              | <b>Vị trí, địa điểm</b>                                      | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b>                                                       | <b>Đơn vị quản lý</b>               |
|------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>                                                          | <i>(3)</i>                                                   | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                                                                        | <i>(7)</i>                          |
| 45         | Hồ chứa nước lô LU03                                                | Phía Tây Bắc, thị trấn Trùng Khánh                           | 0,3                            |                                                  | Điều tiết nước                                                                    |                                     |
| 46         | Hồ điều hòa lô CX3                                                  | Thị trấn Trùng Khánh                                         | 0,45                           |                                                  | Hồ điều hòa, tạo cảnh quan                                                        |                                     |
| 47         | Hồ điều hòa lô CX04                                                 | Thị trấn Trùng Khánh (phía Đông Bắc, sân Vận Động quy hoạch) | 1,96                           |                                                  | Hồ điều hòa, tạo cảnh quan                                                        |                                     |
| 48         | Hồ Cao Thăng                                                        | Xã Cao Thăng                                                 | 3,52                           | 0,5                                              | Thủy lợi                                                                          | Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng |
| 49         | Các Hồ, đầm, ao thuộc ranh giới quy hoạch Khu du lịch Thác Bản Giốc | Xã Đàm Thủy                                                  |                                |                                                  | Điều tiết nước, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường, Phát triển du lịch, đa mục tiêu |                                     |
| 50         | Đầm tự nhiên xóm Răng Đín                                           | Xóm Pò Cỏ, xã Đức Hồng                                       | 0,07                           | 0,00126                                          | Đa mục tiêu                                                                       | UBND xã                             |
| 51         | Thôn Nà Mu                                                          | xóm Nà Mu, Chí Viễn                                          | 0,7                            | 0,0126                                           | Đa mục tiêu                                                                       | Xóm Nà Mu                           |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b> | <b>Vị trí, địa điểm</b>     | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b>  | <b>Đơn vị quản lý</b> |
|------------|------------------------|-----------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>             | <i>(3)</i>                  | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                   | <i>(7)</i>            |
| 52         | Thôm Lâu               | Xóm Bản Lung, xã Đoài Dương | 0,06                           | 0,00078                                          | Đa mục tiêu                  | UBND xã Đoài Dương    |
| 53         | Thôm Bo                | Xóm Giộc Sâu, xã Ngọc Khê   | 0,2                            | 0,002                                            | Tự nhiên, Thủy lợi           | Xóm Giộc Sâu          |
| 54         | Thôm Xá                | Xóm Đồng Ổi, xã Ngọc Khê    | 0,8                            | 0,0086                                           | Tự nhiên, Thủy lợi           | Xóm Đồng Ổi           |
| 55         | Thôm Luông             | Xóm Đồng Ổi, xã Ngọc Khê    | 1,97                           | 0,00985                                          | Tự nhiên, Trâu, Bò uống Nước | Xóm Đồng Ổi           |
| 56         | Thôm Kùm               | Xóm An Hỷ, xã Ngọc Khê      | 0,25                           | 0,0022                                           | Tự nhiên, Trâu, Bò uống Nước | Xóm An Hỷ             |
| 57         | Thôm Luông             | Xóm An Hỷ xã Ngọc Khê       | 0,38                           | 0,00228                                          | Tự nhiên, Trâu, Bò uống Nước | Xóm An Hỷ             |
| 58         | Thôn lý                | Xóm Đông Môn, xã Chí Viễn   | 0,11                           | 0,0022                                           | Đa mục tiêu                  | Xóm Đông Môn          |
| 59         | Thôn Cai               | Xóm Đông Môn, xã Chí Viễn   | 0,14                           | 0,00252                                          | Đa mục tiêu                  | Xóm Đông Môn          |

**CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 50+51/Ngày 28-12-2021**

| <b>TT</b>  | <b>Tên hồ, ao, đầm</b>    | <b>Vị trí, địa điểm</b>                                      | <b>Diện tích mặt nước (ha)</b> | <b>Dung tích toàn phần (triệu m<sup>3</sup>)</b> | <b>Loại hình, chức năng</b> | <b>Đơn vị quản lý</b>                      |
|------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>                | <i>(3)</i>                                                   | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                       | <i>(6)</i>                  | <i>(7)</i>                                 |
| 60         | Hồ Thủy điện Thoong Cót 2 | Xã Chí Viễn                                                  | 8,9                            | 0,133                                            | Thủy điện                   | Công ty TNHH Trường Minh                   |
| 61         | Hồ Thủy điện Thoong Gót   | Xã Chí Viễn                                                  |                                | 0,591                                            | Thủy điện                   | Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh |
| 62         | Hồ Thủy điện Bản Rạ       | Xã Đàm Thủy                                                  |                                | 0,368                                            | Thủy điện                   | Công ty Cổ phần thủy điện Đông Bắc         |
| 63         | Hồ Thủy điện Thân Giáp    | Xã Đoài Dương, huyện Trùng Khánh và xã An Lạc, huyện Hạ Lang | 9,6                            | 0,987                                            | Thủy điện                   | Công ty TNHH Trường Minh                   |